

Bản án số: 84/2026/DS-ST
Ngày: 24-4-2026
Về việc tranh chấp về
họ, họ, biểu, phường

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Duy Hòa.
- Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 24/4/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 741/2025/TLST-DS ngày 19/11/2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2026/QĐXXST-DS ngày 25/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2026/QĐST-DS ngày 10/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 01/01/1982. Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Bà Phan Thị P, sinh ngày 07/8/1988. Địa chỉ: Ấp R, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T và bà Phan Thị P có mối quan hệ quen biết. Trước đây, hai bên có tham gia chơi hội (họ, biểu, phường) do bà T làm chủ hội. Trong quá trình chơi, bà P đã hót hội nhưng sau đó ngừng đóng hội chết, dẫn đến việc nợ tiền hội. Ngày 23/4/2025, tại ấp R, xã T cũ (nay thuộc xã T), hai bên đã tiến hành đối chiếu, chốt nợ và lập "Biên bản hòa giải thành ở cơ sở" trước sự chứng kiến của Tổ hòa giải. Tại biên bản này, bà Phan Thị P đã thừa nhận còn nợ bà T số tiền hội là 13.800.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả 500.000 đồng bắt đầu từ

ngày 06/5/2025 cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, sau đó bà P không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết.

Khi nộp đơn khởi kiện, do chưa nắm rõ quy định pháp luật nên bà T ghi nội dung tranh chấp là vay mượn tài sản. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, bà T đã tự nguyện đính chính và xác định lại rõ: số tiền 13.800.000 đồng là tiền nợ hui, không phải tiền vay.

Nay bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị P trả số tiền nợ hui gốc là 13.800.000 đồng (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Phan Thị P, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng bà P từ chối không đến Tòa án, không có lý do chính đáng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật do bị đơn không cung cấp văn bản ý kiến và không tham gia các phiên họp, phiên xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phan Thị P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền hui còn thiếu 13.800.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo đơn khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ở cơ sở ngày 23/4/2025 và Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 30/12/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đã xác định khoản tiền 13.800.000 đồng là nợ hui. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về họ, hui, biên, phường” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phan Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nghĩa vụ chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bà P vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình tham gia chơi hụi, bà Phan Thị P có nợ bà T số tiền hụi. Nguyên đơn cung cấp “Biên bản hòa giải thành ở cơ sở” lập ngày 23/4/2025. Nội dung biên bản thể hiện rõ bà P xác nhận còn nợ bà T 13.800.000 đồng và cam kết trả mỗi tháng 500.000 đồng. Biên bản có đầy đủ chữ ký xác nhận của bà T, bà P và các thành viên Tổ hòa giải. Sự việc này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và không mâu thuẫn với các tài liệu khác trong hồ sơ.

Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận tham gia hụi giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Việc bà P đã thừa nhận khoản nợ 13.800.000 đồng tại cơ sở nhưng sau đó không thực hiện thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, yêu cầu của bà T buộc bà P phải trả số tiền hụi gốc 13.800.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Đối với tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, bà Phan Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 13.800.000 đồng x 5% = 690.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 17, 18 và 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phường;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Buộc bà Phan Thị P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền nợ hui gốc là 13.800.000 đồng (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Phan Thị P chịu 690.000 đồng (sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 345.000 đồng (ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000981 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình